VỀ NGÔN NGỮ GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI THÁI Ở PHONG THỔ - LAI CHÂU

NGUYỄN VĂN DỰ

Ở vùng trung tâm tây Bắc, người Thái có dân số đông và có nền văn hóa phát triển hơn nên họ có ảnh hưởng to lớn đối với các dân tộc trong vùng. Nơi đây tiếng Thái được sử dụng tương đối rộng rãi và trở thành ngôn ngữ giao tiếp phổ biến nhất. Còn ở Phong Thổ, Lai Châu do có những đặc thù về dân cư, điều kiện, địa lý cũng như các biến cố lịch sử khác, tiếng Thái không đóng vai trò là ngôn ngữ, giao tiếp chung. Đảm nhiệm chức năng đó trước đây là tiếng Quan Hỏa và hiện nay là tiếng phổ thông.

1. Vị trí của tiếng Quan Hỏa trong đời sống ngôn ngữ của người Thái

Như đã biết, các dân tộc ở Phong Thổ, Lai Châu như Thái, H'mông, Dao, Giáy v.v.. Vốn có quan hệ chặt chẽ với nhau đồng thời có quan hệ từ lâu đời và chịu ảnh hưởng nhiều mặt của các dân tộc ở bên kia biên giới, đặc biệt là của người Hán; Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, tiếng Quan Hỏa một phương ngữ của tiếng Hán đã trở thành ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc trong khu vực.

Theo các cụ già ở Mường So cho biết trước đây người Thái ít biết hai thứ tiếng khác. Khi giao tiếp với người khác tộc họ chủ yếu dùng tiếng Thái hoặc tiếng Quan Hỏa. Có thể nói tiếng Quan Hỏa được dùng khá phổ biến trong giao tiếp, trong buôn bán cũng như trong các quan hệ xã hội khác. Tuy nhiên việc nắm vững và sử dụng tiếng Quan Hỏa của người Thái không đồng đều mà có nhiều khác biệt. Các tài liệu thu thập được ở Mường So cho thấy có tới 1/3 dân số từ 35 tuổi trở lên biết tiếng Quan Hỏa. Sự thành thạo trước hết là các thày mo sau đến một số cụ ông. Các cụ bà và phụ nữ ở độ tuổi trung niên biết rất ít. Ngày nay những người kể trên vẫn thường giao dịch với người H'mông, Dao bằng tiếng Quan Hỏa. Những người ở độ tuổi 35 hầu như không biết ngôn ngữ này.

Trong một số lĩnh vực của đời sống văn hóa, những dấu ấn của tiếng Quan Hỏa còn lưu lại khá đậm nét. Trong văn hóa vật chất có hàng loạt cây, con vật dùng có nguồn gốc từ phương Bắc hoặc từ nơi khác rồi thâm nhập vào Tây Bắc. Vì lý do đó nhiều thứ vẫn được gọi bằng tiếng Quan Hỏa hoặc cả bằng 2 thứ tiếng Quan Hỏa và Thái.

Thí dụ:	*Răng rí*	khoai tây
	lò củi	củ cải
	Má thố lò sung	lạc
	Van xi	thước ta.
	Cù chiêu	Hạt tiêu bắc
	Củng nhì	Vải Láng Tàu.

Trong lĩnh vực đời sống tinh thần, những ảnh hưởng của tiếng Quan Hỏa còn lưu lại khá nhiều. Có thể lấy tỉ dụ trong lĩnh vực lịch pháp. Tuy có một hệ thống lịch riêng khá hoàn chỉnh nhưng người Thái lại dùng phổ biến âm lịch trong tính toán thời vụ cũng như trong các nhu cầu sinh hoạt khác. Tên của 12 con vật ứng với năm tháng, ngày, giờ, vừa được gọi theo tiếng Thái vừa được gọi theo tiếng Quan Hỏa:

Tiếng Quan Hỏa	*Tiếng Thái*	
Chẩu	Nu	Tí
Pẩu	Khoái	Sửu
Nhi	Xưa	Dần

Mẩu	Tó	Mão
Si	Luông	Thìn
Sẩu	Ngú	Ty
Sắng ngà	Mà	Ngọ
Mốt	Bê	Mùi
Săm	Lổm	Thân
Hau	Cáy	Dậu
Mết	Ma	Tuất
Cẩu	Mu	Hợi

Với một số các chứng cứ nêu trên có thể nói tiếng Quan Hỏa đã có một vị trí nhất định trong đời sống ngôn ngữ của người Thái.

2 - Sự chuyển đổi ngôn ngữ giao tiếp và thực trạng nắm vững và sử dụng tiếng phổ thông của người Thái hiện nay

Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay ở miền núi đã xuất hiện các tiền đề kinh tế xã hội cần thiết cho việc chuyển đổi ngôn ngữ giao tiếp từ tiếng Quan Hỏa sang tiếng phổ thông. Những tiền đề đó là:

1. Tiếng phổ thông được khẳng định là ngôn ngữ quốc gia có vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước, của tất cả các vùng dân tộc.

2. Sự có mặt ngày càng đông đảo của người Việt ở miền núi là cơ sở quan trọng cho việc phổ biến ngày càng rộng rãi tiếng phổ thông.

Xưa kia trên địa bàn Phong Thổ hầu như không có người Việt cư trú. Sang đầu thế kỉ 20, một số binh lính người Việt được điều lên đồn trú tại Mường So. Ngoài ra còn có một số thương nhân người Việt đến Phong Thổ mua bán thuốc phiện và các lâm thổ sản khác.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, nhất là từ sau ngày giải phóng Tây Bắc số người Việt cư trú ở các thị trấn, dọc các đường giao thông ngày càng đông hơn. Ở một số xã vùng cao cũng đã có người Việt cư trú. Sau cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc số người Việt ngày càng đông hơn do có thêm đồng bào khai hoang công nhân các nông, lâm trường và bộ đội. Theo điều tra dân số năm 1979 ở Phong Thổ đã có 9771 người Việt (Kinh) do huyện quản lí, chiếm 18% dân số của huyện (ở huyện lị chiếm 53%) còn đến 1989 số người Việt trên địa bàn đã lên tới 12.000 người (1).

3. Từ cuối những năm sáu mươi, hệ thống đường quốc lộ được mở rộng tạo cho sự tiếp xúc giữa Phong Thổ và các địa phương khác được mở rộng và tăng cường. Xét về mặt tổng thể cũng như trong khu vực, sự chuyển đổi ngôn ngữ giao tiếp đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển xã hội. Mặt khác nhu cầu phát triển của xã hội lại góp phần thúc đẩy nhanh việc phổ biến rộng rãi các ngôn ngữ giao tiếp mà trước hết là tiếng phổ thông.

Ngày nay có dịp đến chợ Tam Đường, Mường So hay các bản Thái khác, chúng ta hoàn toàn có thể dùng tiếng phổ thông để giao dịch với đồng bào.

Thực tế cho thấy ở người Thái có 3 mức độ hiểu biết và sử dụng tiếng phổ thông:

1. Nhóm song ngữ có hiểu biết và có thể sử dụng tiếng phổ thông trên các lĩnh vực nói, nghe như hoặc gần như tiếng mẹ đẻ, có thể đọc, viết một cách thoải mái. Thuộc vào loại này là những người đã học hết phổ thông cơ sở, được học thêm ở các loại trường đào tạo khác hoặc có điều kiện tiếp xúc nhiều với người Việt.

2. Nhóm song ngữ có thể nói, nghe, tương đối thành thạo nhưng đọc và viết còn nhiều hạn chế như hiểu nghĩa không hoàn chỉnh, hay mắc lỗi về câu cú, ngữ pháp. Những người thuộc nhóm này chỉ được học hết cấp 1, sau đó có thể được học thêm nhưng không nhiều, không thường xuyên.

3. Nhóm song ngữ nói và nghe khó khăn còn đọc và viết rất hạn chế.

Ở các thị trấn, ven đường giao thông trình độ nắm vững và sử dụng tiếng phổ thông của cư dân có khá hơn. Các em bé chưa đến tuổi đi học đã có thể dùng được các câu đơn giản. Ở các gia đình hỗn hợp dân tộc, nhất là trường

(1) Theo số liệu phòng thống kê huyện Phong Thổ, Lai Châu.

hợp vợ Việt chồng Thái thì việc nắm vững và sử dụng tiếng phổ thông có phần thành thạo và thường xuyên hơn. Một số cụ già trên 60 tuổi trước kia nói tiếng phổ thông rất kém nhưng đến nay do có điều kiện tiếp xúc nhiều nên khả năng nghe, nói có khá hơn, có cụ nói tương đối thành thạo.

Sự thành thạo tiếng phổ thông trước hết thuộc thế hệ trung niên và thanh niên, những người có điều kiện học tập và tiếp xúc nhiều. Chỉ có các cụ bà và một số phụ nữ trung niên sử dụng tiếng phổ thông khó khăn, thậm chí biết rất ít.

Trong điều kiện môi trường tương đối đồng nhất thì mức độ thành thạo tiếng phổ thông chủ yếu phụ thuộc vào trình độ học vấn. Tài liệu điều tra ở Mường So năm 1992 cho thấy ở lứa tuổi từ 15 đến 50 có 95% được đến trường trong đó một nửa có trình độ cấp 2 thì hầu hết số này có thể xếp vào nhóm song ngữ 2, nhiều người có thể xếp vào nhóm 1. Ở độ tuổi từ 51 trở lên có tới một nửa không được đến trường thì cũng có khoảng ấy người có thể xếp vào nhóm song ngữ 3, khômg có ai có thể xếp vào nhóm 1. Có người đã học hết cấp 1, đã đi thoát ly 20 năm nhưng khả năng diễn đạt bằng tiếng phổ thông còn nhiều hạn chế.

Trong gia đình tiếng phổ thông chỉ dùng khi tiếp khách không nói được tiếng Thái. Ở các cuộc họp trong phạm vi bản thì tiếng Thái đóng vai trò chủ đạo. Khi có người khác tộc không biết tiếng Thái cùng tham dự thì thường xảy ra tình trạng song ngữ. Các cuộc họp trong phạm vi xã thì tiếng phổ thông được dùng phổ biến. Ở đây có 2 vấn đề cần lưu ý là khả năng sử dụng tiếng phổ thông của người dự họp và khả năng truyền tải thông tin của ngôn ngữ được sử dụng.

Ở ngoài chợ cũng như trong các quan hệ xã hội, người Thái trước hết dùng tiếng Thái với người đồng tộc và những người khác tộc dùng được ngôn ngữ này. Còn trong các trường hợp khác họ nói chủ yếu bằng tiếng phổ thông. Khi đối tượng tiếp xúc chỉ có thể giao tiếp bằng tiếng Quan Hỏa thì thứ tiếng này sẽ đóng vai trò cầu nối như trước.

Một vấn đề cần đề cập tới nữa là giữa tiếng Thái và tiếng phổ thông có quan hệ với nhau thế nào?

Tiếng Thái là một ngôn ngữ có lịch sử phát triển từ lâu đời. Từ thế kỷ 13, tiếng Thái đã có chữ viết. Thứ chữ này, được dùng trong văn học dân gian là chủ yếu. Hiện nay chữ cổ chỉ còn được dùng trong tế lễ bói toán và còn rất ít người sử dụng được. Ở bản Vằng Pheo xã Mường So chỉ còn 4 người già trong đó có 1 thày cúng dùng được loại chữ này. Trong những năm sau hòa bình lập lại, chữ Thái được la tinh hóa và được dạy như một môn học ở cấp 1. Tuy nhiên do không nghiên cứu đầy đủ và chuẩn bị chưa tốt nên việc làm này gặp không ít khó khăn và chỉ thực hiện được trong 2 năm.

Có thể tóm tắt thực trạng ngôn ngữ của người Thái như sau:

- Biết tiếng mẹ đẻ nhưng chỉ nghe và nói là chính.

- Sử dụng được tiếng Việt nhưng còn ở trình độ thấp.

Trong bối cảnh hiện nay tình hình đó là không thuận lợi cho sự phát triển của người Thái.

Có nhiều nhân tố khác nhau có ảnh hưởng tới khả năng nắm vững và sử dụng tiếng phổ thông. Trước hết phải nói tới sự phát triển yếu của hệ thống giáo dục phổ thông. Có thể lấy Mường So là một nơi có điều kiện thuận lợi về mọi mặt làm ví dụ.

Ở Mường So từ năm 1961 trường phổ thông cơ sở được thành lập nhưng đến 1979 mới có cấp 2 có thể nói trường học đã thu hút được khá đông đảo trẻ em đến trường. Năm học 1990-1991 trường có 976 học sinh chiếm 20% dân số toàn xã. Ngay từ đầu việc giảng dạy được thực hiện bằng tiếng phổ thông. Điều này đã góp phần nâng cao trình độ tiếng phổ thông cho đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên do chất lượng dạy và học môn

tiếng Việt chưa tốt nên tình trạng biết chữ nhưng mù nghĩa khá phổ biến. Có người đã học hết cấp 2, đã tham gia công tác xã hội nhiều mà không hiểu được nhiều từ chính trị xã hội thông thường. Học sinh học xong cấp 1 chỉ có thể nghe và nói còn đọc và viết rất kém. Từ trước tới nay chưa có học sinh người Thái nào của Mường So được đi thi học sinh giỏi văn cấp huyện.

Trong các tầng lớp nhân dân tình trạng tái mù chữ khá phổ biến. Theo điều tra năm 1991 trong 639 người Thái ở độ tuổi từ 15 đến 35 có 208 người mù chữ trong đó chủ yếu là tái mù.

Trong những năm gần đây giáo dục bị xuống cấp nghiêm trọng. Do trường học ở xa học sinh đi học gặp không ít khó khăn, nhất là ở các lớp đầu. Việc xóa bao cấp làm cho học sinh phải đóng góp nhiều. Hơn nữa dư luận xã hội cho rằng học nhiều cũng chẳng ích gì nên các bậc cha mẹ thường không muốn cho con mình học lên cao. Ở Mường So năm học 1986-1987 có 247 em vào lớp 1 nhưng 5 năm sau chỉ có 78 em vào học cấp 2. Trong số đó chủ yếu là con em đồng bào khai hoang và viên chức nhà nước.

Một điều cần quan tâm nữa là hệ thống thông tin đại chúng, nhất là sách báo thiếu nghiêm trọng. Năm 1991 cả xã Mường So chỉ có 1 tờ báo nhân dân, không có thư viện công cộng. Ở trung tâm xã có quầy cho thuê và bán sách nhưng rất ít người lui tới, có máy chiếu video nhưng chủ yếu phục vụ cho cư dân ở trung tâm xã. Vì vậy việc nắm vững tiếng phổ thông của cư dân vốn đã hạn chế lại không được trau dồi thường xuyên nên ngày càng mai một. Đối với một xã có điều kiện thuận lợi tình hình còn phức tạp như vậy, ở các xã khác, nhất là các xã vùng cao tình hình còn khó khăn hơn nhiều.

Một vài kiến nghị

1. Cùng với sự ra đời của các điều kiện kinh tế xã hội mới, ngôn ngữ giao tiếp của người Thái đã chuyển dần từ tiếng Quan Hỏa sang tiếng phổ thông. Sự thay thế này là tất yếu phù hợp với sự phát triển của các dân tộc ở miền núi phía Bắc. Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay, tiếng Quan Hỏa tuy mất dần ảnh hưởng nhưng vẫn có vị trí nhất định, nhất là ở vùng cao biên giới phía Bắc. Khi mối quan hệ giữa 2 nước đã được bình thường hóa thì tiếng Quan Hỏa còn được dùng phổ biến hơn.

2. Đối với người Thái cần xác định rõ tiếng phổ thông là công cụ giao tiếp, là cầu nối với các dân tộc khác trong cả nước, với thế giới bên ngoài nhằm phục vụ cho sự phát triển của họ. Vì vậy phải nâng cao trình độ nắm vững tiếng phổ thông cho đồng bào. Để làm được điều đó trước hết phải hoàn thiện hệ thống giáo dục phổ thông cơ sở thu hút đông đảo học sinh trong độ tuổi đến lớp. Nâng cao chất lượng dạy và học môn tiếng Việt đồng thời có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin nghe nhìn.

3. Một dân tộc chỉ có thể tồn tại khi nền văn hóa của họ với tư cách là văn hóa dân tộc được bảo tồn. Đối với người Thái để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thì việc phát triển chữ Thái như thế nào là vấn đề cần tính toán kỹ lưỡng. Nên chăng trong lúc chưa có giải phóng hữu hiệu cho ngôn ngữ dân tộc cần có biện pháp nâng cao hơn nữa trình độ tiếng phổ thông cho đồng bào Thái nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài.